

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2028

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn N1.

2/ Bà Lê Thị L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường A - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Hữu V, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim N2, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Ngô Hữu V trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim N2 kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 02/2025 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N2. Con chung:

Có 02 con chung tên Ngô Trần Bảo C, sinh ngày 07/4/2015 và Ngô Trần Cát T, sinh ngày 01/10/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 64m² tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nhà cất trên phần đất của ông Trần Văn T1 (Cha vợ), giá trị căn nhà khoảng 250.000.000 đồng, căn nhà hiện do chị N2 quản lý. Trong quá trình giải quyết vụ án anh yêu cầu được chia ½ giá trị căn nhà nhưng nay xin rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn chị Trần Thị Kim N2 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như anh V trình bày là đúng. Chị thừa nhận trong lúc nóng giận có xảy ra mâu thuẫn với anh V nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn, chị hứa sẽ sửa đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn. Trường hợp Toà án cho ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con, không cần cấp dưỡng. Tài sản chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu chia. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hữu V xác định quan hệ tranh chấp phát sinh là “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”. Chị N2 có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Hữu V và chị Trần Thị Kim N2 tự tìm hiểu quen biết rồi kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 ngày 12/3/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh chị trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ đến tháng 02 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, đã được động viên phân tích, hoà giải nhưng anh V xác định không còn tình cảm nữa nên không thể đoàn tụ được, còn chị N2 tuy không đồng ý ly hôn với anh V nhưng chị không đưa ra được biện pháp nào thiết thực để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, chấp nhận cho anh V được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh V và chị N2 có 02 con chung tên Ngô Trần Bảo C, sinh ngày 07/4/2015 và Ngô Trần Cát T, sinh ngày 01/10/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh, chị đều có yêu cầu được nuôi 02 con chung, nhưng xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay 02 con chung do anh V nuôi dưỡng ổn định, trẻ phát triển tốt và nguyện vọng của trẻ mong muốn được sống chung với cha . Do vậy, giao 02 con chung cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh V không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh V có yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là căn nhà cấp 4 cất nhờ trên phần đất của anh Trần Văn T1 (Là anh ruột của chị N2) nhưng sau đó đã rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung này, nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung. Đồng thời, xét thấy không còn liên quan gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông Trần Văn T1 nữa nên không đưa ông T1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[6] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh V là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hữu V. Cho anh Ngô Hữu V được ly hôn chị Trần Thị Kim N2.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Ngô Trần Bảo C, sinh ngày 07/4/2015 và Ngô Trần Cát T, sinh ngày 01/10/2017 cho anh Ngô Hữu V nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Kim N2 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của anh Ngô Hữu V.

4. *Về án phí:* Anh Ngô Hữu V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 3.425.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001554, 0001555 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp), nên được trả lại 3.125.000đ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 5-Dồng Tháp;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thành Ngoan